TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 122**/2022/KDTM
Ngày 09 tháng 9 năm 2022
V/v : Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Hoài Phương**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Bích Liên**
  Bà **Dương Thị Diễm**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương -** Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên Tòa: Bà **Hoàng Thu Trang -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sở thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 76/2022/TLST- KDTM ngày 13/7/2022 về vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2022/QĐXX-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2022/QĐST – KDTM ngày 24/08/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **CÔNG TY CỔ PHẦN PH** (gọi tắt là Công ty PH)**;** Địa chỉ: Lầu 12 Tòa nhà PS, 144-146-148 LL, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: KS; Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diên theo ủy quyền: Bà Lê Thanh H, theo văn bản ủy quyền số 117 ngày 11/7/2022 (có mặt)

Bị đơn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TL** (gọi tắt là Công ty TL)**;** Địa chỉ: Số 61 Ngõ 12 ĐT, phường CV, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Cầm Thị L1; Chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Phạm Tiến L;** Địa chỉ: Số 61 Ngõ 12 ĐT, phường CV, quận BĐ, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2021, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 03/6/2022, bản tự khai và các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/7/2019, Công ty cổ phần PH và Công ty TNHH Tư Vấn TL ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL. Thời điểm ký hợp đồng, ông Phạm Tiến L tự nhận là Luật sư, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TL. Theo đó, Công ty TL sẽ thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động trung gian thanh toán

cho PH, thời hạn thực hiện là 6 (sáu) tháng, tổng giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng) và được thanh toán làm 03 (ba) đợt. Ngay khi ký hợp đồng, PH thanh toán tiền đợt 1 là 10% giá trị hợp đồng, tương ứng 200.000.000 VNĐ (hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, từ khi ký kết hợp đồng cho đến khi hết hạn hợp đồng, Công ty TL không thực hiện bất kỳ công việc nào cho PH như đã thỏa thuận.

Công ty PH đã nhiều lần gửi email yêu cầu Công ty TL cũng như ông Phạm Tiến L tiến hành công việc nhưng cả ông L và Công ty TL đều không thể liên lạc được.

Từ thời điểm giao kết Hợp đồng, PH và ông L đều thống nhất Công ty TL là bên cung cấp dịch vụ, chịu trách nhiệm chính để hoàn thành công việc thỏa thuận; PH là bên sử dụng dịch vụ, chỉ hỗ trợ trong phạm vi cần thiết được quy định rõ ràng trong Hợp đồng. Tuy nhiên, ông L cho rằng PH không cung cấp hồ sơ nhân sự nên ông L không thể tiến hành công việc đúng thời hạn. Đối với lý do này, PH bác bỏ toàn bộ và có căn cứ để chứng minh rằng ông L đang không thành thật nhằm mục đích không trả lại tiền cho PH. Cụ thể: Theo Phụ lục đính kèm Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL ngày 09/7/2019, ông L chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ để được cấp phép hoạt động dịch vụ trung gian thanh toán, bao gồm hồ sơ nhân sự. Theo mail trao đổi giữa PH và ông L cũng thể hiện ông L biết và hiểu được bản thân có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ nhân sự, về sau ông L đề nghị PH hỗ trợ nhưng không thay thế việc ông L là bên có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ nhân sự: Mail ngày 02/10/2019, lúc 9:24 sáng: Ông L gửi lời xin lỗi đến PH và nhờ PH hỗ trợ tìm người có bằng tin học; Mail ngày 10/10/2019, lúc 3:16 chiều: Ông L gửi hồ sơ hoàn thiện cho việc cấp giấy phép. Tuy nhiên, chỉ còn thiếu nội dung về quá trình phát triển, giá trị nền tảng, cơ cấu tổ chức nội bộ của PH và cần PH hỗ trợ điền đầy đủ, không nhắc đến việc thiếu hồ sơ nhân sự.

Chính vì lẽ đó, ông L đã không hoàn thành đúng phạm vi thỏa thuận trong Hợp đồng, khi nhận thấy không thể thực hiện liền đẩy trách nhiệm về phía khách hàng, vi phạm khoản b Điều 2 Hợp đồng số…/2019/TL ngày 9/7/2019: *"Soạn thảo và hoàn thiện hồ sơ cho Bên A đáp ứng theo yêu cầu cầu quy định pháp luật"*.

Trong toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng, ông L không có lần nào chủ động thông tin tiến độ công việc cho PH, ngay cả khi PH nhắn tin yêu cầu xác nhận và cung cấp tiến độ, ông L vẫn không trả lời ngay, thậm chí còn xem thường các mốc thời gian đã được thỏa thuận giữa hai bên. Cụ thể: Ngày 17/8/2019, PH và ông L đã họp và trao đổi trực tiếp một số nội dung. Nội dung này được bà Võ Thị L2- nhân viên pháp lý của PH thống kê lại trong mail ngày 19/8/2019 và có gửi cho ông L qua địa chỉ: luattoanlong@gmail.com. Theo nội dung cuộc họp, ông L phải gửi đề án (văn bản bắt buộc trong hồ sơ xin giấy phép hoạt động trung gian thanh toán) cho PH vào ngày 10/9/2019 (lần 1) và chậm nhất là ngày 15/9/2019 (lần 2). Tuy nhiên, ông L hoàn toàn không gửi đúng ngày như đã hứa.

Ngày 17/9/2019, lúc 7:34 phút sáng, bà L2 một lần nữa gửi mail yêu cầu ông L thực hiện đúng tiến độ gửi hồ sơ vì sau nhiều lần liên lạc, ông L lại hứa rằng sẽ gửi đề án chậm nhất vào ngày 18/9/2019 (lần 3). Cùng ngày, lúc 9:12 sáng, ông L trả lời mail và yêu cầu dời lịch đến ngày 25/9/2019.

Ngày 24/9/2019, bà L2 gửi mail yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ gửi

hồ sơ cho PH đúng hạn, nếu không sẽ yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 26/9/2019, ông L mới trả lời mail và yêu cầu PH cho thêm thời gian để hoàn thiện hồ sơ, đặc biệt, ông L không định trước ngày sẽ hoàn thành. (lần 4)

Ngày 30/9/2019, bà L2 gửi mail và yêu cầu ông L hoàn tất việc gửi hồ sơ vào lúc 13:45 cùng ngày vì đã trễ quá nhiều lần. Ngày 02/10/2019, ông L phản hồi và lại hẹn vào ngày 10/10/2019. Ngày 04/10/2019, lúc 9:10 sáng, bà Lũy gửi mail yêu cầu xác nhận lịch gửi hồ sơ vẫn là ngày 10/10/2019; ông L phản hồi đồng ý lúc 10:25 sáng.

Ngày 10/10/2019, ông L gửi hồ sơ như đã hẹn, nhưng hồ sơ thiếu rất nhiều. PH gọi điện để được giải đáp thắc mắc thì ông L nói như vậy đã đủ rồi.

Ông L hoàn toàn không có khả năng thực hiện cũng như không thể giữ đúng lời hứa với PH dù PH đã nhiều lần thông cảm và gia hạn thời gian. Tuy nhiên càng về sau, ông L càng thể hiện sự thiếu tôn trọng khách hàng, chỉ phản hồi mail một cách ngẫu hứng và xem nhẹ thỏa thuận giữa các bên. Đồng thời, PH khẳng định rằng, trong toàn bộ thời gian hợp tác, ông L không một lần chủ động thông báo tình trạng, tiến trình, thắc mắc khi thực hiện hồ sơ, chỉ khi nào PH liên lạc nhiều lần, ông L mới trả lời, nhưng câu trả lời hoàn toàn không đồng nhất.

Chính vì lẽ đó, ông L đã vi phạm điểm a khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng số…/2019/TL ngày 9/7/2019: *"Thực hiện đúng và đủ các nội dung tư vấn đã quy định trong Hợp đồng với điều kiện Bên A đáp ứng đầy đủ quy định của Pháp luật. Báo cáo và cập nhật đầy đủ cho Bên A về tiến độ thực hiện dịch vụ."*

Ngày 09/7/2019, PH và ông L ký Hợp đồng số…/2019/TL, thời hạn là 6 tháng, tức hạn cuối là 09/1/2020. Thực tế, hết ngày này, PH đã không nhận được giấy phép trung gian thanh toán như đã kỳ vọng.

Chính vì lẽ đó, có căn cứ cho việc ông L vi phạm điểm b khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng số…/2019/TL: *"Bàn giao cho Bên A kết quả công việc với điều kiện Bên A tuân thủ quy định về việc thanh toán Phí tư vấn và phối hợp kịp thời với Bên B trong khi tiến hành các thủ tục bắt buộc phải có sự hiện diện của người đại diện theo pháp luật của Bên A".*

Theo Điều 3 Hợp đồng quy định về "*Thời gian thực hiện dịch vụ tư vấn là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng"*, tức từ ngày 09/7/2019 đến ngày 09/01/2021. Sau thời gian này, PH sẽ nhận được Giấy phép hoạt động trung gian thanh toán. Tuy nhiên, hết thời hạn Hợp đồng, Công ty TL không thực hiện bất kỳ công việc nào cho PH.Theo điểm f khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng quy định về nghĩa vụ của Bên B (Công ty TL). "*f. Bên B có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận nếu không hoàn thành việc cấp phép trung gian thanh toán.*"Theo điểm f khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng quy định về quyền của Bên A (PH)*"f. Yêu cầu Bên B hoàn trả toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B trong trường hợp quá thời hạn nêu tại Điều 3 Hợp đồng này, mà Bên B không hoàn thành việc xin cấp giấy phép trung gian thanh toán cho Bên A."*

Theo khoản 1 Điều 297 LTM 2005 quy định về Buộc thực hiện đúng hợp đồng *"1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng hợp đồng hoặc dùng các biện pháp khác để hợp đồng được thực hiện và bên vi phạm phải chịu chi phí phát sinh."*

Theo Điều 352 quy định về Trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ *Khi bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên có quyền được yêu cầu*

bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ."
Đồng thời, theo khoản 4 Điều 11 BLDS 2015 quy định về Các phương thức bảo vệ quyền dân sự*"Khi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:....*
4. Buộc thực hiện nghĩa vụ."

Ngay khi ký hợp đồng, PH thanh toán tiền đợt 1 là 10% giá trị hợp hợp đồng, tương ứng 200.000.000 VNĐ (hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, Công ty TL không thực hiện đúng nội dung công việc. Do đó, Công ty TL phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tại điểm f khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng.

Ngày 14/01/2020, PH gửi công văn số 14/01/2020/CV/PH-PL đến Công ty TL, thông báo chấm dứt hợp đồng số…/2019/TL và hoàn trả lại số tiền đợt 1 mà PH đã thanh toán cho Công ty TL. Nhưng Công ty TL không liên lạc, cũng như không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả.

Đến ngày 10/7/2020, ông L đại diện Công ty TL lập công văn về việc thanh lý hợp đồng dịch vụ tư vấn và cam kết trả số tiền còn lại sau khi thanh toán 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng), kế hoạch như sau:

- Ngày 17/7/2020, thanh toán 40.000.000 VNĐ (bốn mươi triệu đồng);
- Ngày 31/7/2020, thanh toán 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng);
- Ngày 14/8/2020, thanh toán 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng);
- Ngày 29/8/2020, thanh toán 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng).

Và cam kết về việc thanh toán lãi cho Công ty PH nếu như chậm thanh toán. Tuy nhiên, từ ngày 10/7/2020 đến nay, Công ty TL hoàn toàn không thực hiện thanh toán như kế hoạch.

Nay Công ty PH yêu cầu: Buộc Công ty TL có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 190.000.000VNĐ (một trăm chín mươi triệu đồng) gốc và thanh toán tiền lãi chậm trả căn cứ vào điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy thời thiểm nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi là từ ngày bị đơn vi phạm hợp đồng (tại điều 3 Hợp đồng quy định thời gian hoàn thành dịch vụ là 06 tháng) là ngày 09/01/2020 đến ngày 08/08/2022 là 49.087.671 đồng.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - Công ty TNHH Tư Vấn TL không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.***

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh thu thập được thông tin cụ thể như sau:

Theo công văn số 2618/CCTT –ĐKKD ngày 09 tháng 09 năm 2022 của sở kế hoạch đầu tư Hà Nội - Phòng đăng ký kinh doanh cung cấp: Công ty TNHH Tư Vấn TL có mã số doanh nghiệp: 0107725418. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 15/02/2017 thay đổi lần thứ 4 ngày 03/10/2019. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 61 Ngõ 12 ĐT, phường CV, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Cầm Thị L1; Chức vụ: Tổng giám đốc. Đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp chưa đăng ký thủ tục giải thể, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Tiến L không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.***

Quá trình giải quyết, Toà án xác minh Công an phường CV thu thập được như sau: Công ty TNHH Tư Vấn TL hiện đang hoạt động tại địa chỉ Số 61 Ngõ 12 ĐT, phường CV, quận BĐ, thành phố Hà Nội; ông Phạm Tiến L là người quản lý và là chủ công ty.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2021 Công ty cổ phần PH yêu cầu Công ty TL có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 190.000.000VNĐ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày Công ty TL có nghĩa vụ thanh toán đến ngày nộp đơn khởi kiện là 84.904.684 đồng. Tại phiên toà Công ty cổ phần PH đề nghị Tòa án xét xử: Buộc Công ty TL có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 190.000.000VNĐ (một trăm chín mươi triệu đồng) gốc và thanh toán tiền lãi chậm trả căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%, do vậy thời điểm nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi là từ ngày bị đơn vi phạm hợp đồng (tại điều 3 Hợp đồng quy định thời gian hoàn thành dịch vụ là 06 tháng) là ngày 09/01/2020 đến phiên tòa hôm nay là **241,254,795** đồng trong đó nợ gốc 190.000.000 đồng, lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng tính từ 09/01/2020 đến 09/7/2020 là 10,027,397 đồng; lãi suất của số tiền 190.000.000 đồng tính từ ngày 11/7/2020 đến 9/9/2022 là: 41,227,397 đồng.

Kể từ ngày 10/9/2022, Công ty TL phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng*:**

Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự **. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:* Hợp đồng ký kết giữa Công ty TNHH Tư Vấn TL và Công ty cổ phần PH là Hợp đồng dịch vụ tư vấn Cấp giấy phép hoạt động trung gian thanh toán. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty TNHH Tư Vấn TL không có ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung Hợp đồng dịch vụ ký với Công ty PH. Căn cứ Khoản 6 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2014 về các Hành vi bị cấm*"Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư…"*. Căn cứ Phụ lục 4 Luật đầu tư 2014 về Danh sách các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; cung dịch vụ thông tin tín dụng; Hành nghề luật sư là ngành nghề Kinh doanh có điều kiện mà Công ty

TNHH TL chưa đăng ký kinh doanh; do đó việc Công ty TNHH TL ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn Cấp giấy phép hoạt động trung gian thanh toán là Vi phạm điều cấm theo Luật Doanh nghiệp. Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, đại diện theo Pháp luật của Công ty TNHH TL là bà Cầm Thị L1. Hồ sơ cũng không có tài liệu thể hiện ông Phạm Tiến L là thành viên của công ty, được ủy quyền để thay mặt Công ty TNHH TL ký kết Hợp đồng với Công ty PH. Căn cứ Điều 117 BLDS về Điều kiện có hiệu lực có Giao dịch dân sự, nhận thấy ông Phạm Tiến L không đủ điều kiện về năng lực pháp luật dân sự để thay mặt Công ty TNHH TL ký kết hợp đồng Dịch vụ tư vấn với Công ty PH ngày 09/7/2019.

Từ các căn cứ nêu trên, hợp đồng dịch vụ tư vấn nêu trên vô hiệu do vi phạm điều cấm của Luật theo qui định tại Điều 123 Bộ luật dân sự về Giao dịch dân sự vô hiệu; và không đủ điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo Điều 117 BLDS. Căn cứ Khoản 2 Điều 131 BLDS, khi Giao dịch dân sự vô hiệu, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Do đó, Công ty TNHH TL phải trả lại cho Công ty PH số tiền đã nhận là 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần PH khởi kiện Công ty TNHH Tư Vấn TL đối với "Hợp đồng dịch vụ tư vấn" về việc (cấp giấy phép hoạt đồng trung gian thanh toán)"; đây là tranh chấp giữa hai doanh nghiệp cùng có tư cách pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án: Theo thỏa thuận tại Điều 7 của các Hợp đồng dịch vụ tư vấn ngày 09/07/2019, thì các tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết. Công ty TNHH Tư Vấn TL có trụ sở tại: Số 61 Ngõ 12 ĐT, phường CV, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/07/2019, Công ty cổ phần PH và Công ty TNHH Tư Vấn TL ký "Hợp đồng dịch vụ tư vấn" về việc (cấp giấy phép hoạt đồng trung gian thanh toán)"; Ngày 14/01/2020, Công ty cổ phần PH gửi công văn số 14/01/2020/CV/PH-PL đến Công ty TL, thông báo chấm dứt hợp đồng. Ngày 24/12/2021, Công ty cổ phần PH có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân Quận Ba Đình. Do đây là tranh chấp tranh chấp kinh doanh thương mại nên áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán ngày 03 tháng 12 năm 2012 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Do đó, Công ty cổ phần PH khởi kiện trong thời hạn quy định của pháp luật, nên xác định còn thời hiệu khởi kiện và được Tòa án chấp nhận thụ lý giải quyết.

[4] Về tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết giấy triệu tập đến phiên toà cho các đương sự. Nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn - Công ty TNHH Tư Vấn TL do bà Cẩm Thị L1 là đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Tiến L vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp,tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2021 Công ty cổ phần PH yêu cầu Công ty TNHH Tư Vấn TL có nghĩa vụ hoàn trả số tiền gốc 190.000.000VNĐ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày Công ty TL có nghĩa vụ thanh toán đến ngày nộp đơn khởi kiện là 84.904.684 đồng.

Tại phiên toà, Công ty cổ phần PH xin rút yêu cầu về việc tiền lãi chậm trả tính từ ngày Công ty TL có nghĩa vụ thanh toán đến ngày nộp đơn khởi kiện là 84.904.684đồng và đề nghị Tòa án xét xử: Buộc Công ty TL có nghĩa vụ hoàn trả số tiền gốc 190.000.000VNĐ (một trăm chín mươi triệu đồng) và thanh toán tiền lãi chậm trả căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%. Cụ thể: nợ gốc 190.000.000 đồng, lãi suất của số tiền 200.000.000đồng tính từ 09/01/2020 đến 09/7/2020 là 10,027,397đồng; lãi suất của số tiền gốc 190.000.000 đồng tính từ ngày 11/7/2020 đến 9/9/2022 là: 41,227,397 đồng. Tổng cộng là 241,254,795 đồng (Hai trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm chín lăm đồng). Kể từ ngày 10/9/2022, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Tư Vấn TL phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

[5.1] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty cổ phần PH và Công ty TNHH Tư Vấn TL ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL ngày 09/7/2019, hợp đồng ®-îc lËp thµnh v¨n b¶n, cã ®Çy ®ñ ch÷ ký cña ®¹i diÖn cña hai ph¸p nh©n vµ con dÊu cña ph¸p nh©n. Theo Hợp đồng, Công ty TNHH Tư Vấn TL sẽ thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động trung gian thanh toán cho Công ty cổ phần PH, thời hạn thực hiện là 06(sáu) tháng, tổng giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng) và được thanh toán làm 03 (ba) đợt.

Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Tư Vấn TL không có ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung Hợp đồng dịch vụ tư vấn đã ký với Công ty cổ phần PH.

Căn cứ Khoản 6 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2014 về các Hành vi bị cấm *"Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề*

đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư…”.

Căn cứ Phụ lục 4 Luật đầu tư 2014 về Danh sách các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; cung dịch vụ thông tin tín dụng; Hành nghề luật sư là ngành nghề Kinh doanh có điều kiện mà Công ty TNHH Tư Vấn TL chưa đăng ký kinh doanh; do đó việc Công ty TNHH Tư Vấn TL ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn Cấp giấy phép hoạt động trung gian thanh toán là Vi phạm điều cấm theo Luật Doanh nghiệp.

Cũng theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Tư Vấn TL thì người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tư Vấn TL là bà Cẩm Thị L 1. Quá trình Toà án giải quyết, không có tài liệu thể hiện ông Phạm Tiến L là giám đốc hay thành viên của Công ty TNHH Tư Vấn TL; không được ủy quyền để thay mặt Công ty TNHH Tư Vấn TL ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần PH.

Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự về điều kiện có hiệu lực có giao dịch dân sự, nhận thấy ông Phạm Tiến L không đủ điều kiện về năng lực pháp luật dân sự để thay mặt Công ty TNHH Tư Vấn TL ký kết hợp đồng Dịch vụ tư vấn số…/2019/TL với Công ty cổ phần PH ngày 09/7/2019.

Từ các căn cứ nêu trên, Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL được ký kết giữa Công ty cổ phần PH và Công ty TNHH Tư Vấn TL ngày 09/7/2019 vô hiệu do vi phạm điều cấm của Luật theo qui định tại Điều 122, 123 Bộ luật dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu. Do đó, Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL ngày 09/7/2019 không đủ điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo Điều 117 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL, trong ngày 09/7/2019, Công ty cổ phần PH đã chuyển cho Công ty TNHH Tư Vấn TL số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long số 0491000108710 - Đây là tài khoản của Công ty TNHH Tư Vấn TL đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Uỷ nhiệm chi ngày 09/7/2019). Căn cứ Khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự, khi giao dịch dân sự vô hiệu, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Do đó, Công ty TNHH Tư Vấn TL phải trả lại cho Công ty cổ phần PH số tiền đã nhận là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn thừa nhận đã được nhận lại 10.000.000VNĐ (Mười triệu đồng) vào ngày 10/7/2020 từ ông Phạm Tiến L (văn bản viết tay). Do đó, Công ty TNHH Tư Vấn TL phải trả cho Công ty cổ phần PH số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

[5.2]. Xét thấy, Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL ngày 09/7/2019 giữa Công ty cổ phần PH và Công ty TNHH Tư Vấn TL là giao dịch dân sự vô hiệu theo Khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự, nên các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Nguyên đơn không có yêu cầu về việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán.

Kể từ ngày 10/09/2022, trường hợp Công ty TNHH Tư Vấn TL chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ gốc thì hàng tháng Công ty TNHH Tư Vấn TL phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

[6] Về án phí: Do yêu cầu về số tiền lãi 41,227,397 đồng (bốn mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng) của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị đơn - Công ty TNHH Tư Vấn TL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

[8] Luận cứ và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 146; Điều 147; khoản 2 Điều 244 ; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 117; 122, 123 khoản 2 Điều 131 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;
- Khoản 6 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2014
- Phụ lục 4 Luật đầu tư 2014;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn" của Công ty cổ phần PH đối với Công ty TNHH Tư Vấn TL**.**

2. Tuyên bố Hợp đồng dịch vụ tư vấn số…/2019/TL ngày 09/7/2019 giữa Công ty cổ phần PH và Công ty TNHH Tư Vấn TL là vô hiệu.

3. Buộc Công ty TNHH Tư Vấn TL phải trả cho Công ty cổ phần PH số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần PH về việc yêu cầu Công ty TNHH Tư Vấn TL phải trả số tiền nợ lãi do chậm thanh toán 41,227,397 đồng (Bốn mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 10/09/2022, trường hợp Công ty TNHH Tư Vấn TL chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ gốc thì hàng tháng Công ty TNHH Tư Vấn TL phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

Công ty cổ phần PH phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 2.061.369đ(Hai triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng) được trừ vào số tiền 6.150.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai số 0002092 ngày 12/07/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BĐ. Công ty cổ phần PH được nhận lại 4.088.631đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi mốt đồng).

Công ty TNHH Tư Vấn TL phải chịu 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận BĐ;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Phương